

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HS-ST

Ngày: 25/08/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung;

Bà Bùi Thị Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 08 năm 2022, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 75/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 07 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2022 và thông báo thay đổi lịch xét xử số 01/2022/TB-TA ngày 12 tháng 08 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Thị H** (tên gọi khác: Không); giới tính: Nữ, sinh năm 1975, tại Thanh Hóa; Nơi ở và ĐKNKTT: phố K, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngô Đình O (thương binh hạng A) và bà Nguyễn Thị L; Chồng: Nguyễn Đức T; Con: Có hai con, lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (Có mặt).

Bị hại: Anh Dương Đức T, sinh năm 1977; địa chỉ: số nhà 277, đường T, phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Mai Văn D, sinh năm 1970; địa chỉ: số nhà 474, phố Đ, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình, (Vắng mặt).

Người Làm chứng:

- Anh Mai Văn T, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị H nguyên là Trưởng phòng giáo dục nghề nghiệp của Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Ninh Bình và anh Dương Đức T, sinh năm 1977 trú tại phường T, thành phố N có mối quan hệ quen biết nhau. Tháng 10/2019, Ngô Thị H được Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Ninh Bình cho thôi việc. Do khó khăn về kinh tế và biết anh T đang làm công ty tư vấn xây dựng nên H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của anh T để tiêu sài cá nhân. Tháng 02/2020 H gọi điện thoại cho Dương Đức T nói bản thân có khả năng xin được dự án sửa chữa các Trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (mặc dù H không có khả năng này), nếu anh T muốn có dự án thì đưa tiền cho H để H xin cho. Do không biết H đã nghỉ việc ở Sở lao động thương binh xã hội tỉnh Ninh Bình và tin tưởng H nên anh T đồng ý. Sau đó anh T liên hệ với anh Mai Văn D (là bạn của anh T), sinh năm 1970, trú tại phố Đ, phường N, thành phố N là chủ thầu xây dựng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình về nội dung H trao đổi và được anh D đồng ý. Từ ngày 09/02/2020 đến ngày 23/3/2020 theo yêu cầu của H, anh T đã thông báo với anh D sau đó nhận tiền của anh D và chuyển cho H 07 lần (03 lần bằng tiền mặt, 04 lần chuyển vào tài khoản cá nhân của H) với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh T, H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Khi biết được H không có khả năng xin được dự án như đã hứa, anh T nhiều lần yêu cầu H trả lại số tiền trên nên tháng 3/2021 H đã chuyển khoản trả cho anh T 31.000.000 đồng, số tiền còn lại 349.000.000 đồng đến nay H không có khả năng trả cho anh T nữa.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKS ngày 12/07/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Ngô Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa bị cáo Ngô Thị H đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, đề nghị thay đổi một phần nội dung bản cáo trạng về số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh T là 349.000.000 đồng và không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Ngô Thị H đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Ngô Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS; xử phạt Ngô Thị H từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng Điều 48 BLHS buộc bị cáo trả cho anh Dương Đức T số tiền 349.000.000 đồng.

Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 17.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc thay đổi một phần nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt có lợi cho bị cáo; phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngô Thị H không có khả năng xin được dự án sửa chữa các Trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, nhưng bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối rằng bản thân sẽ xin chạy được dự án sửa chữa các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Do tin tưởng vào các thông tin do H đưa ra nên từ ngày 09/02/2020 đến ngày 23/3/2020 theo yêu cầu của H, anh T đã thông báo với anh D sau đó nhận tiền của anh D và chuyển cho H 07 lần (03 lần bằng tiền mặt, 04 lần chuyển vào tài khoản cá nhân của H) với tổng số tiền 380.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh T, H đã tiêu sài cá nhân hết số tiền trên. Khi biết được H không có khả năng xin được dự án như đã hứa, anh T nhiều lần yêu cầu H trả lại số tiền trên nên tháng 3/2021 H đã chuyển khoản trả cho anh T 31.000.000 đồng số tiền còn lại 349.000.000 đồng đến nay H không có khả năng trả cho anh T nữa và chiếm đoạt toàn bộ số tiền này.

Hành vi phạm tội của bị cáo Ngô Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi là cố ý. Đối chiếu với nội dung bản Cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, hành vi nêu trên của bị cáo Ngô Thị H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Điều 174: Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a, Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

.....

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của BLHS.

Về nhân thân bị cáo: chưa có tiền án, tiền sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Trong thời gian làm việc tại Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh Ninh Bình bị can có thành tích xuất sắc được Bộ lao động thương binh xã hội tặng Bằng khen; ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là là thương binh loại A và bố, mẹ đẻ được Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, cần cho bị cáo hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Dương Đức T yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 349.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh T số tiền trên.

[5]. Các vấn đề khác:

- Đối với anh Mai Văn D là người đồng ý cung cấp số tiền 380.000.000 đồng cho anh Dương Đức T để anh Tuấn chuyển cho Ngô Thị H mục đích xin dự án sửa chữa các trường dạy nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Hiện tại anh D không có yêu cầu đề nghị đối với anh T về số tiền trên nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí:

+ Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp theo quy định là 200.000 đồng.

+ Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải nộp là 349.000.000 đồng x 5% = 17.450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự;

1. Tuyên bố: Bị cáo Ngô Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo Ngô Thị H 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 27/5/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Ngô Thị H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Dương Đức T số tiền 349.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi chín triệu đồng)

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/ năm tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

Buộc bị cáo Ngô Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 17.450.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo:

- Bị cáo H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Anh T, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (1 bản);
- Bị hại (1 bản);
- Người liên quan (1 bản);
- TAND tỉnh Ninh Bình (1 bản);
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1 bản);
- VKSND thành phố N (2 bản);
- Công an thành phố N (1 bản);
- Chi cục THA.DS thành phố N (1 bản);
- Thi hành án HS (2 bản);
- Sở Tư pháp Ninh Bình (1 bản);
- Lưu Hồ sơ (2 bản);
- Lưu VPTA (1 bản).

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình